

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 01 - 2022
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khanh

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Quý Đông

Ông Vũ Quang Yên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Minh Thắng - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 341/2021/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hoàng A, Sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 1A, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trung B, Sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn 1A, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, chị Nguyễn Hoàng A trình bày: Chị và anh Nguyễn Trung B kết hôn ngày 24/9/2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ đẻ của anh B tại thôn 1A, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ được một thời gian ngắn sau đó vợ chồng chị vào thành phố E, tỉnh Bình Phước làm ăn. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng dần nứt. Vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi nói chuyện với nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Đến tháng 10/2020 chị đã dọn về nhà bố mẹ đẻ của chị ở thôn 1A, xã C, huyện Đ, anh B về ở nhà bố mẹ đẻ của anh B ở cùng thôn 1A, xã

C. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu G, sinh ngày 08/10/2014 hiện đang ở cùng anh B. Khi ly hôn chị đồng ý để anh B tiếp nuôi dưỡng cháu G. Nếu anh B yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho anh B theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có.

2. Bị đơn anh Nguyễn Trung B trình bày: Anh và chị Nguyễn Hoàng A kết hôn ngày 24/9/2013. Đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ của anh tại thôn 1A, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ được khoảng 2 tháng thì vợ chồng vào thành phố E, tỉnh Bình Phước làm ăn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không tránh khỏi va chạm, vợ chồng có cãi vã nhau nên khoảng tháng 10/2020 thì chị A đã dọn về nhà bố mẹ đẻ của chị. Anh và con vẫn ở thành phố E, tỉnh Bình Phước. Đến tháng 12/2020 anh và con về nhà bố mẹ đẻ của anh ở thôn 1A, xã C, huyện Đ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị Nguyễn Hoàng A làm đơn xin ly hôn. Quan điểm của anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nếu chị A nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Hoàng A có 01 con chung là cháu G, sinh ngày 08/10/2014, hiện đang ở cùng anh. Khi ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu G. Không yêu cầu chị Nguyễn Hoàng A cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

+ Xử cho chị Nguyễn Hoàng A được ly hôn anh Nguyễn Trung B.

+ Về con chung: Giao cháu G, sinh ngày 08/10/2014 cho anh Nguyễn Trung B tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Hoàng A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh B tự nguyện không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Hoàng A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Hoàng A và bị đơn là anh Nguyễn Trung B đều có nơi cư trú tại Thôn 1A, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh B nhưng anh B vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Hoàng A và anh Nguyễn Trung B là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2013 tại UBND xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ của anh B tại Thôn 1A, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị A xin ly hôn anh B, anh B không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Trong trường hợp chị A nhất quyết xin ly hôn thì anh B đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện anh phải được nuôi con. Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Thôn 1A, xã C, huyện Đ được chính quyền địa phương cung cấp trong cuộc sống chung vợ chồng chị A và anh B có mâu thuẫn, theo như chị A khai báo nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, nhưng anh B không muốn ly hôn với chị A vì anh B muốn níu kéo để được nuôi con. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau, chị A đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn 1A, anh B và con trai đang ở cùng bố mẹ anh B ở thôn 1A, xã C. Mặc dù anh B muốn níu kéo tình cảm và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh B không có biện pháp gì để cải thiện cuộc sống vợ chồng, chính vì vậy chị A vẫn nhất quyết ly hôn với anh B. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị A và anh B là mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần xử cho Chị A được ly hôn anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị A và anh B xác định vợ chồng có 01 con chung là: G, sinh ngày 08/10/2014 hiện đang ở cùng anh B. Khi ly chị A và anh B thống nhất để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu G. Chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh B tự nguyện không yêu cầu. Xét thấy thỏa thuận của chị A và anh B về việc nuôi con chung sau khi ly hôn là phù hợp nên cần chấp nhận. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, về nợ chung, về công sức: Chị A, anh B xác nhận không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Hoàng A được ly hôn anh Nguyễn Trung B.

2. Về con chung:

+ Giao cháu G, sinh ngày 08/10/2014 cho anh Nguyễn Trung B tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con vì anh B tự nguyện không yêu cầu.

Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Hoàng A phải chịu 300.000đ. Xác nhận chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004006 ngày 12/11/tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đoan Hùng;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- UBND xã C;
- Lưu HS + VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Khanh